

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 12 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Chi

Ông Trần Văn Mỹ Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: (Không tham gia)

Trong ngày 05 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị Kiều D, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà S, ấp T1, xã T2, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: Ông Đoàn Hoàng N, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà N, khóm B, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2022 và quá trình giải quyết vụ án, bà Dương Thị Kiều D trình bày:

Bà D và ông Đoàn Hoàng N đăng ký kết hôn ngày 13/6/2012 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố V. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống cùng cha mẹ ruột của bà D tại xã T2, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, ông N thường hay uống rượu, bia, thiếu sự đóng góp vào kinh tế gia đình. Từ đầu tháng 3/2022

đến nay, ông N đã trở về nhà cha, mẹ ruột sinh sống, không sống cùng vợ, con. Bà D nhận thấy vợ chồng chung sống không hạnh phúc, yêu cầu ly hôn với ông N.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đoàn Ngọc Như K, sinh ngày 30/11/2012. Bà D yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng con chung.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Quá trình tiến hành tố tụng, bà D nộp văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại Biên bản hòa giải ngày 01/11/2022, ông Đoàn Hoàng N trình bày:

Ông N đồng ý trình bày của bà D về thời gian đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do ông N có uống rượu, bia về thì vợ chồng xảy ra tranh cãi nên ông N về nhà cha, mẹ ruột sinh sống. Ông N xác định vẫn còn tình cảm thương yêu vợ, mong muốn vợ chồng đoàn tụ, không đồng ý ly hôn bà D.

Vợ, chồng có 01 con chung tên Đoàn Ngọc Như K, sinh ngày 30/11/2012. Trường hợp phải ly hôn, ông N đồng ý giao bà D nuôi dưỡng con chung, ông N không phải cấp dưỡng con chung.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bà D vắng mặt do đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà D là người có quyền khởi kiện ông N tranh chấp ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố V nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 186, 227, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà D và ông N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố V vào ngày 13/6/2012. Cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn theo cả nguyên đơn, bị đơn xác định do bất đồng trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, bất đồng về kinh tế gia đình nên phát sinh tranh cãi với nhau. Tại phiên hòa giải, bà D kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn ông N, không đồng ý đoàn tụ.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng của bà D, ông N không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn sự tự nguyện của bà D muốn sống chung

cùng ông N. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nhưng hai bên không tìm ra giải pháp để hòa hợp, hàn gắn tình cảm nên mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D về việc ly hôn ông N.

[3] Tại phiên hòa giải, bà D yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đoàn Ngọc Như K, sinh ngày 30/11/2012, không yêu cầu ông N cấp dưỡng con chung. Về phần mình, ông N xác định cháu K đang do bà D trực tiếp nuôi dưỡng; trong trường hợp phải ly hôn thì ông N đồng ý giao bà D tiếp tục nuôi dưỡng con chung và ông N không phải cấp dưỡng cháu K.

Xét thấy, cháu Đoàn Ngọc Như K đang do bà D trực tiếp nuôi dưỡng và cháu K đã trình bày nguyện vọng tại văn bản đề ngày 04/11/2022 là muốn sống cùng với bà D. Ông N cũng đồng ý giao con chung cho bà D nuôi dưỡng trong trường hợp phải ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông N tiếp tục giao bà D nuôi dưỡng 01 con chung tên Đoàn Ngọc Như K, sinh ngày 30/11/2012. Ông N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng con chung.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Án phí: Buộc bà D nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Kiều D.

- Bà Dương Thị Kiều D và ông Đoàn Hoàng N ly hôn với nhau.

- Về con chung: Buộc ông Đoàn Hoàng N giao bà Dương Thị Kiều D nuôi dưỡng 01 con chung tên Đoàn Ngọc Như K, sinh ngày 30/11/2012. Ông Đoàn Hoàng N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng Đoàn Ngọc Như K.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Nợ chung: Không có.

2. Buộc bà Dương Thị Kiều D nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số No 0001533 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V nên bà Dương Thị Kiều D không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- UBND phường C, TPVL: 1;
- Đương sự: 2;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân

